

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST  
Ngày 12 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lại Quang Tuyền và ông Nguyễn Mạnh Huân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Lại Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1954; nơi ĐKKHKT: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Lê Thị B (đều đã chết); có vợ Đồng Thị N, sinh năm 1957 và hai con (con lớn sinh năm 1980, đã chết; con nhỏ sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+/ NLQ1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ NLQ2, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại xây dựng và vận tải L (Công ty L) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/9/2019; địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Giám đốc, người đại diện pháp luật là NLQ1, sinh năm 1979; trú tại: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Kế toán trưởng là Trần Văn N, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây dựng công nghiệp. Sau khi thành lập Công ty, NLQ1 không tham gia điều hành mà giao toàn bộ hoạt động giao dịch của Công ty cho Trần Văn N thực hiện. Trần Văn N chủ động liên hệ với các đối tác, thỏa thuận giá cả, soạn thảo hồ sơ và hợp đồng liên quan đến việc mua bán hàng hóa rồi chuyển cho NLQ1 ký ở mục Giám đốc Công ty L. Việc hạch toán, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, kê khai, báo cáo quyết toán thuế của Công ty do Trần Văn N chịu trách nhiệm.

Công ty L đã nhiều lần bán hàng hóa là vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; do NLQ2, sinh năm 1970, trú tại: Xã T làm Giám đốc. Xuất phát từ mối quan hệ quen biết trên, NLQ2 đã trao đổi thỏa thuận với Trần Văn N về việc mua hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) khống của Công ty L để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào một số hàng hóa của Công ty TNHH T đã mua ngoài thị trường nhưng không có hóa đơn GTGT, Trần Văn N đồng ý. Hai bên thống nhất về loại, số lượng hàng hóa cần ghi trên hóa đơn và giá mua hóa đơn khống là 10% giá trị số tiền hàng ghi trên hóa đơn.

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12/2020, Công ty L mà trực tiếp là Trần Văn N đã mua hàng hóa vật liệu xây dựng và một số mặt hàng khác của Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ Phong Phú (viết tắt là Công ty Phong Phú), địa chỉ: Số 316, đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và Công ty TNHH thương mại và phát triển EURO (Công ty EURO), địa chỉ: Phòng 307, tầng 3, tòa nhà 86 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; với tổng trị giá hàng hóa là 2.518.866.577 đồng (bao gồm cả thuế GTGT), được thể hiện trên các hóa đơn sau:

- Mua của Công ty Phong Phú:

+ Hóa đơn GTGT số 0000404 ngày 17/9/2020, gồm: 134.503 viên gạch; 40 lít nước rửa Axitoon; 200 viên đá mài quay; 400 cái chổi đánh rỉ; 400 lưỡi dao dọc giấy; 215 m<sup>2</sup> cao su non tip top; 85 kg keo dán nóng tip top; 48m bàn tải B1400. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 366.957.070 đồng; tiền thuế GTGT là 36.695.707 đồng.

+ Hóa đơn GTGT số 0000408 ngày 19/9/2020, gồm: 5.809 m<sup>3</sup> đá đất; 725 m<sup>3</sup> đá 1x2; 1.928 m<sup>3</sup> cát vàng; 1.200 m<sup>3</sup> cát đen; 190 m<sup>3</sup> đá rằm; 25 m<sup>3</sup> đá 4x6;

290 m<sup>3</sup> đá 2x4. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 1.084.557.200 đồng; tiền thuế GTGT là 108.455.720 đồng.

- Mua của Công ty EURO:

+ Hóa đơn GTGT số 0000035 ngày 05/11/2020, mặt hàng gồm: 1.100 m<sup>3</sup> cát đen, 627 m<sup>3</sup> cát vàng; 637 m<sup>3</sup> đá 1x2; 5.106 m<sup>3</sup> đá lẫn đất. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 668.793.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 66.879.300 đồng;

+ Hóa đơn GTGT số 0000074 ngày 03/12/2020, gồm: 168 m<sup>3</sup> đá 2x4; 4.390 m<sup>3</sup> đá rậm; 901 m<sup>3</sup> cát đen; 1.645 m<sup>3</sup> đá hộc; 1.114,7 m<sup>3</sup> đá lẫn đất; 172.070 viên gạch. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 932.642.900 đồng, tiền thuế GTGT là 93.264.290 đồng.

Trong tổng số hàng hóa trên, Công ty L đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty TNHH T vật liệu xây dựng được thể hiện trên 03 hóa đơn:

- Hóa đơn GTGT số 0000043 ngày 10/9/2020 là 164.503 viên gạch, có giá trị trước thuế 115.152.100 đồng, tiền thuế GTGT 11.515.210 đồng (hàng hóa đầu vào N đã mua 134.503 viên gạch của Công ty Phong Phú thể hiện trên hóa đơn GTGT số 00000404 ngày 17/9/2020 và 30.000 viên gạch mua nhỏ lẻ trên thị trường không có hóa đơn GTGT).

- Hóa đơn GTGT số 0000053 ngày 10/12/2020, gồm: 168 m<sup>3</sup> đá 2x4; 4.390 m<sup>3</sup> đá rậm; 901 m<sup>3</sup> cát đen; 1.645 m<sup>3</sup> đá hộc. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 659.480.000 đồng; tiền thuế GTGT là 65.948.000 đồng.

- Hóa đơn GTGT số 0000055 ngày 12/12/2020 là 172.070 viên gạch, giá trị tiền hàng trước thuế là: 132.493.900 đồng; tiền thuế GTGT là: 13.249.390 đồng (hàng hóa mua vào của Công ty EURO theo hóa đơn GTGT số: 0000074 ngày 03/12/2020).

Số hàng hóa là vật liệu xây dựng còn lại, Trần Văn N đã bán lẻ cho 05 người dân nhưng không xuất hóa đơn GTGT mà được Trần Văn N ghi chép theo dõi vào 01 quyển sổ, với nội dung:

+ Trong tháng 9/2020, bán cho 03 người dân là anh Hùng ở Đa Phúc; anh Hải ở Ngã ba thường Tín – Hà Nội; cháu Thuân ở Nút giao Văn Điển gồm các mặt hàng: 1.928 m<sup>3</sup> cát vàng; 1.200 m<sup>3</sup> cát đen; 5.809 m<sup>3</sup> đá đất; 725 m<sup>3</sup> đá 1x2; 190 m<sup>3</sup> đá rậm; 25 m<sup>3</sup> đá 4x6; 290 m<sup>3</sup> đá 2x4 (tương ứng số lượng mặt hàng mua của Công ty Phong Phú thể hiện trên hóa đơn GTGT số 0000408 ngày 19/9/2020).

+ Trong tháng 11/2020, bán cho 02 người dân là anh Dũng ở Cầu Giẽ đường đi Chùa Hương; Dung ở Phở Yên – gần cảng Đa Phúc, gồm: 637 m<sup>3</sup> đá 1x2; 5.106 m<sup>3</sup> đá lẫn đất; 1.100 m<sup>3</sup> cát đen; 627 m<sup>3</sup> cát vàng (tương ứng với số lượng mặt hàng mua của Công ty EURO thể hiện trên hóa đơn GTGT số 0000035 ngày 05/11/2020).

Toàn bộ số hàng hóa bán cho 05 người dân trên có tổng giá trị tiền hàng bao gồm cả thuế là 1.847.775.000 đồng (trong đó giá trị hàng hóa là: 1.679.795.455 đồng; tiền thuế GTGT là: 167.979.545 đồng), Trần Văn N không kê khai thuế hàng hóa dịch vụ bán ra, không nhập vào sổ sách kế toán của Công ty L để nộp thuế theo quy định.

Do 05 người dân không lấy hóa đơn GTGT, nên N đã viết số lượng hàng hóa này vào 02 hóa đơn để xuất bán hóa đơn không cho Công ty TNHH T, cụ thể:

+ Hóa đơn GTGT số 0000047 ngày 30/9/2020, mặt hàng ghi trên hóa đơn là: Đá đất, đá 1x2, cát vàng, cát đen, đá dăm, đá 4x6, đá 2x4. Giá trị tiền hàng trước thuế là 1.095.715.000 đồng, tiền thuế GTGT là 109.571.500 đồng.

+ Hóa đơn GTGT số 0000051 ngày 09/11/2020, mặt hàng ghi trên hóa đơn là: Cát đen, cát vàng, đá 1x2, đá lẫn đất. Giá trị tiền hàng trước thuế là 646.160.000 đồng, tiền thuế GTGT là 64.616.000 đồng.

Tổng giá trị tiền hàng trước thuế của 2 hóa đơn là 1.741.875.000 đồng; tiền thuế GTGT là 174.187.500 đồng.

Để thực hiện việc mua bán hàng hóa vật liệu xây dựng và hoàn thiện việc mua bán hóa đơn không, Trần Văn N đã soạn thảo các thủ tục gồm Hợp đồng nguyên tắc mua bán vật tư số 10/2020/TQ-NQ ngày 01/9/2020 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH TMXD và VT Lê Hồ; Biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng và công nợ các ngày 29/9/2020; 08/11/2020; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020; viết hóa đơn GTGT ký hiệu LH/19P, số 0000047 ngày 30/9/2020 và số 0000051 ngày 09/11/2020 như việc Công ty L bán hàng hóa thật cho Công ty TNHH T, sau đó chuyển cho NLQ1 ký ở mục Giám đốc Công ty L.

Ngày 19/3/2021, Trần Văn N cùng NLQ2 đến ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Nam, NLQ2 dùng Ủy nhiệm chi của Công ty TNHH T để chuyển tiền từ tài khoản của Công ty T vào tài khoản của Công ty L 02 lần tổng cộng số tiền là 3.028.000.000 đồng, trong đó: Trả tiền hàng còn nợ 997.838.600 đồng (theo 3 hóa đơn mua hàng thật số 0000043, 0000053, 0000055); thanh toán 1.916.062.500 đồng là tiền hàng sau thuế của 02 số hóa đơn GTGT không 0000047 và 0000051; số tiền còn lại 114.098.900 đồng là tiền tạm ứng trước để mua hàng.

Sau khi Công ty TNHH T chuyển tiền, do NLQ1 là chủ tài khoản của Công ty L nên Trần Văn N đã gọi điện cho NLQ1 đến ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Nam để rút tiền cùng vào ngày 19/3/2021 (lần thứ nhất rút 1.528.000.000 đồng vào hồi 11:12:50'; lần thứ hai rút 1.500.000.000 đồng vào hồi 14:19:13'). NLQ1 rút tiền xong rồi đưa lại cho Trần Văn N. Sau đó, Trần Văn N trả lại cho NLQ2 1.741.875.000 đồng là giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn; giữ lại 174.187.500 đồng sử dụng cá nhân, NLQ1 không được hưởng lợi gì.

Công ty TNHH T đã đưa 02 số hóa đơn GTGT không số 0000047 và số 0000051 vào hạch toán kê khai hàng hóa, nguyên liệu đầu vào quý III, IV/2020.

Vật chứng đã thu giữ khi tiến hành khám xét nơi ở, nơi làm việc của Trần Văn N gồm:

- Hợp đồng nguyên tắc số 0201/2020/HĐNT/VN-LH ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH TMXD và VT Lê Hồ và Công ty TNHH TM và công nghệ VBSOFT Việt Nam.

- Hợp đồng nguyên tắc số 05/2020/HĐNT/PP-LH ngày 02/4/2020 giữa Công ty L và Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Phong Phú.

- Hợp đồng nguyên tắc mua bán vật tư số 10/2020/TQ-NQ ngày 01/9/2020 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH TMXD và VT Lê Hồ.

- Hợp đồng nguyên tắc số 0201/2021/HĐNT/FURO – LH về việc: Mua bán thiết bị máy móc, vận chuyển hàng hóa giữa Công ty TNHH TMXD và VT Lê Hồ và Công ty TNHH TM và phát triển FURO ngày 02/01/2021.

- Biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng và công nợ các ngày 09/9/2020; 29/9/2020; 08/11/2020; 09/12/2020; 11/12/2020; 31/12/2020.

- Văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn GTGT (đặt in) tháng 9 /2019 của Công ty L gửi Chi cục thuế huyện Kim Bảng.

- Thông báo về cơ quan thuế quản lý ngày 12/9/2019. Thông báo về việc sử dụng hóa đơn đặt in số 1075/TB-CCt ngày 24/9/2019.

- Thông báo về việc chưa đủ điều kiện được sử dụng hóa đơn đặt in số 1056/TB-CCT ngày 19/9/2019.(Bút lục 23, 24)

Quá trình điều tra, Trần Văn N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Hà Nam: 01 quyển sổ bìa màu vàng có chữ viết tay của Trần Văn N (trong đó có nội dung ghi chép việc bán vật liệu xây dựng cho 05 người dân nêu trên) và một số hóa đơn, chứng từ, hợp đồng thể hiện việc mua bán hàng hóa của Công ty L. Trần Văn N tự nguyện nộp 30.000.000 đồng là một phần số tiền thu lời bất chính từ việc bán 02 hóa đơn GTGT không và Trịnh Văn Quyết tự nguyện nộp 50.000.000 đồng để phục vụ việc điều tra vụ án.

Ngày 07/5/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 43/CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh Hà Nam xác định thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước do hành vi sai phạm của Công ty TNHH T và Công ty L gây ra trong năm 2020.

Tại bản Kết luận giám định ngày 04/6/2021 của các Giám định viên - Cục thuế tỉnh Hà Nam, kết luận đối với việc Công ty TNHH T dùng 2 hóa đơn GTGT

hàng hóa dịch vụ mua vào không có giá trị trước thuế là 1.741.875.000 đồng, tiền thuế GTGT là 174.187.500 đồng để kê khai khấu trừ thuế, như sau:

*“Hóa đơn GTGT số 0000047, số 0000051... là hai hóa đơn được sử dụng bất hợp pháp có nội dung được ghi không có thực toàn bộ (không có hàng hóa thật kèm theo) theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 39/2014/TT-BC ngày 31/3/2014. Do đó, Công ty TNHH T không được kê khai khấu trừ thuế GTGT số tiền: 174.187.500 đồng với số thuế GTGT của 02 hóa đơn trên theo quy định tại Khoản 15, Điều 14, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.*

*Về số thuế GTGT gây thiệt hại đối với NSNN:*

*...Xác định số tiền thuế GTGT Công ty TNHH T gây thiệt hại đối với NSNN như sau: ...Giảm số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ tại kỳ kê khai quý III và quý IV năm 2020, số tiền: 174.187.500 đồng. Số thuế GTGT phải nộp năm 2020 là 0 (không) đồng; số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tại chỉ tiêu [43] Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ kê khai Quý IV/2020, số tiền: 235.234.760 đồng.*

*Về thuế TNDN...chưa đủ cơ sở để xác định số thuế TNDN phải nộp năm 2020 của Công ty TNHH T”.*

Ngày 16/6/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu.

Tại bản Kết luận giám định số 18/PC09-TL ngày 22/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận:

+ Chữ ký đứng tên Giám đốc Phạm Thị Tâm trên các tài liệu là: Hợp đồng; Biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng và công nợ; Hóa đơn GTGT số 0000047; số 0000051 giữa Công ty L xuất cho Công ty TNHH T là chữ ký của Phạm Thị Tâm.

+ Chữ viết trong quyền sở do Trần Văn N cung cấp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam là chữ viết của Trần Văn N.

+ Hình dấu tròn; hình dấu chức danh trên các tài liệu: Hợp đồng; Biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng và công nợ; Hóa đơn GTGT số 0000047; số 0000051 là hình dấu của Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Lê Hồ đóng.

Cáo trạng số 19/CT-VKSHN-P1 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 18 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn N từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lời bất chính 174.187.500 đồng đối với bị cáo Trần Văn N; số tiền 48.000.000 đồng bị cáo Trần Văn N đã nộp được đối trừ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị về án phí và quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N khai nhận hành vi của mình đúng như trong bản Cáo trạng; không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bản Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính, Trần Văn N là Kế toán trưởng Công ty TNHH thương mại xây dựng và vận tải Lê Hồ đã lập khống hồ sơ, tài liệu như có việc mua hàng hóa thật để bán 02 hóa đơn khống, gồm hóa đơn số 47 ngày 30/9/2020 và hóa đơn số 51 ngày 09/11/2020 cho Công ty TNHH T, thu lợi bất chính số tiền 174.187.500 đồng.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, gây thất thoát cho Ngân sách Nhà nước nếu không được ngăn chặn kịp thời. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa loại tội phạm này cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

3.1. Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn N có nhân thân tốt, tham gia quân ngũ và được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba.

3.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

3.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện nộp 48.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 07 năm 1972 đến năm 1992, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Bị cáo Trần Văn N có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nhật Tựu) và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Trần Văn N thu lợi bất chính số tiền 174.187.500 đồng, vì vậy truy thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Số tiền 48.000.000 đồng bị cáo đã nộp được đối trừ; bị cáo Trần Văn N còn phải nộp 126.187.500 đồng.

[7] Về các vấn đề khác:

7.1. Đối với NLQ2 là người mua, sử dụng 02 hóa đơn GTGT không để hạch toán hàng hóa nguyên liệu đầu vào, làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ. Tuy nhiên số tiền thuế được khấu trừ của Công ty T tính đến quý IV/2020 là 409.422.260 đồng; sau khi cơ quan thuế giảm trừ 02 hóa đơn GTGT không mà Công ty T đưa vào kê khai tại kỳ kê khai quý III và quý IV năm 2020 là 174.187.500 đồng thì số tiền Công ty T vẫn còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 235.234.760 đồng. Do vậy, Công ty T chưa phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp, số



thuế GTGT phải nộp năm 2020 là 0 đồng. Do hậu quả thiệt hại cho ngân sách trên thực tế chưa xảy ra nên hành vi của NLQ2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự. Đối với sai phạm của Công ty TNHH T, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã có văn bản kiến nghị Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng xử lý hành chính là phù hợp.

7.2. Đối với NLQ1, kết quả điều tra xác định NLQ1 tuy giữ vai trò Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty L nhưng không trực tiếp điều hành Công ty, mọi hoạt động giao dịch mua bán đều do Trần Văn N thực hiện. NLQ1 không được Trần Văn N trao đổi, bàn bạc, thống nhất liên quan đến các phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa của Công ty, không được hưởng lợi gì từ việc Trần Văn N bán trái phép hóa đơn. Với vai trò là Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty L, NLQ1 phải chịu trách nhiệm về việc buông lỏng quản lý dẫn đến sai phạm của Công ty, tuy nhiên hậu quả thiệt hại đối với ngân sách nhà nước trên thực tế chưa xảy ra, do đó Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh không xử lý đối với NLQ1 với vai trò đồng phạm với Trần Văn N về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự và không xử lý về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.
2. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Trần Văn N số tiền 174.187.500 đồng. Đối trừ số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) bị cáo Trần Văn N đã nộp, hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam quản lý (Theo Ủy nhiệm chi số 170 ngày 16/3/2022 lập tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Nam và Biên lai tạm thu số AA/2021/0001579 ngày 08/3/2022); bị cáo Trần Văn N còn phải nộp 126.187.500 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THA TA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thanh Hải**